

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 35/2022/HSST

Ngày: 15/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Điền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đầu**
2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đình Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông **Sơn Thái Phong** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2021/TLST– HS, ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST– HS, ngày 08/3/2022; Quyết Đ hoãn phiên toà số 14/2022/HSST- QĐ, ngày 31/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đinh Tiến D, sinh năm 1991, tại: YT - HB; Nơi ĐKTT: khu phố HT, thị trấn HT huyện YT, tỉnh HB; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Tiến D và bà Hoàn Thị D; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. (Bị cáo có mặt).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2021

2. Họ và tên: Đỗ Văn C, sinh năm 1997, tại: HH- NĐ; Nơi ĐKTT: Xóm 4 PL, xã HC, huyện HH, tỉnh NĐ; Chỗ ở: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Lao động, tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Minh C và bà Phạm Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: không

* **Tiền án:** 01 lần. Ngày 30/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh ND xử phạt 09 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, tại bản án số 49/2018/HSST. Ngày 23/3/2019 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. (Bị cáo có mặt).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2021

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

2. Đinh Thị Thúy H, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 7, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

4. Phan Thị Trúc H, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

5. Ngô Thị Định, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 3, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

6. Huỳnh Thị Tuyết Nh, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 7, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

7. Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp bên tràm, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG

8. Thị Chúc L, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

9. Lưu Thị Hồng L, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

10. Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

11. Ngô Thị H, sinh năm 1955 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

12. Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

13. Trần Thị D, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 3, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

14. Lê Ngọc Anh Kh, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 9, phường DĐg, thành phố PQ, tỉnh KG

15. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 10, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

16. Trần Tuyết B, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

17. Trần Thị K, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

18. Phạm Thị O, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

19. Trần Tuấn K sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Cây Thông Ngoài, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG

20. Hồ Thị L, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

21. Đinh Ngọc H, sinh năm 1960 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

22. Lê Thu H, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

23. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 7, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

24. Nguyễn Kim C sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6 năm 2020, tuy không có đăng ký hoạt động kinh doanh nhưng Đinh Tiến D sử dụng nhà thuê ở khu phố 8, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG để hoạt động cho vay lãi nặng, khi đi vào hoạt động D cho số điện thoại của mình để quảng cáo việc cho vay. Đến tháng 12/2020, D thuê Đỗ Văn C vào làm phục vụ hoạt động cho vay và trả tiền công mỗi tháng là 5.000.000đ. D phân công cho C in, phát tờ rơi, dán quảng cáo việc cho vay trên mỗi tờ rơi đều ghi số điện thoại “0368422345” của Đinh Tiến D, khi khách liên hệ vay tiền thì C làm thủ tục cho vay, giữ các loại giấy tờ tùy thân của khách và hàng ngày C đi thu tiền góp rồi thống kê danh sách và giao tiền góp được lại cho D. Từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021, D và C thực hiện hoạt động cho vay lãi với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính với hai hình thức:

- Hình thức cho vay trả tiền đứng: Người vay phải trả với lãi suất 1%/ngày trên số tiền vay, tương đương mức lãi suất mỗi tháng là 30%tháng và

tương đương mức lãi suất mỗi năm 360%, cao gấp 18 lần mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định.

- Hình thức cho vay tiền góp: Người vay phải trả nợ gốc lẫn tiền lãi theo tháng với mức lãi suất từ 20%/24 ngày, 30 ngày đến 25%/24 ngày, 30 ngày cao gấp 12 đến 15 lần lãi suất do Bộ luật dân sự quy định.

Ngoài ra, khi cho vay thì người vay còn phải trả tiền phí cho D và C mỗi lần vay từ 100.000đ đến 500.000đ.

Tiền thu lợi bất chính trong vụ án được xác Đ như sau: Mức lãi suất cho vay theo quy Đ không được vượt quá 20%/năm tương đương không quá 0,055%/ngày.

Cụ thể Đình Tiền D đã cho 24 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là và Đỗ Văn C đã cho 20 người vay tiền, cụ thể như sau:

Đối với Đình Tiền D đã cho những người vay có tên sau:

1/ Nguyễn Ngọc B vay 01 lần vào ngày 23/11/2020, với số tiền 3.000.000 đồng, vay tiền góp, mỗi ngày góp 150.000đ, góp trong vòng 24 ngày, lãi suất là 0,83%/ngày, tiền lãi đã thu 600.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 39.000đ, tiền lãi thu bất chính 561.000đ, tiền phí cho vay 100.000đ, đã trả đủ tiền gốc.

2/ Huỳnh Thị Thúy H vay 05 lần từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021, với tổng số tiền vay 55.000.000đ: 04 lần đầu vay mỗi lần 10.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 400.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày, đã trả đủ tiền gốc là 40.000.000đ, tiền lãi là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 667.000đ, tiền thu lợi bất chính là 3.333.000đ. Lần thứ 5 vay 15.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 600.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, đã trả đủ tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi là 3.000.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 250.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.750.000đ. Tổng số tiền D cho Hằng là 55.000.000đ, tiền lãi hợp pháp của 05 lần vay là 917.000đ tiền thu lợi bất chính 10.083.000đ.

3/ Nguyễn Thị L vay 03 lần từ tháng 6/2020 đến ngày 09/3/2021, với số tiền là 35.000.000đ: Hai lần đầu vay mỗi lần là 10.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với lãi suất là 0.67%, đã trả xong tiền gốc của hai lần vay là 20.000.000đ và tiền lãi là 2.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp của hai lần vay là 333.000đ, tiền thu lợi bất chính của hai lần vay là 1.667.000đ. Lần thứ ba L vay tiếp tục vay với số tiền là 15.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 600.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất là

0.67%/ngày, góp được 15 ngày, bao gồm tiền gốc 7.500.000đ và tiền lãi 1.500.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 7.500.000đ.

Tổng số tiền D cho Nguyễn Thị L vay là 35.000.000đ, đã thu tiền lãi là 5.500.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp của ba lần là 458.000đ, tiền lãi thu không hợp pháp của ba lần là 5.042.000đ, còn nợ tiền gốc 7.500.000đ.

4/ Phạm Thị Trúc H vay 02 lần vào ngày 15/8/2020 với số tiền 10.000.000đ và ngày 01/9/2020 với số tiền là 10.000.000đ, cả hai lần đều vay tiền góp, mỗi ngày góp 500.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.83%/ngày. H đã trả đủ tiền gốc 20.000.000đ. Tổng số tiền D cho Hiền vay là 20.000.000đ, tiền lãi đã thu là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 267.000đ, tiền thu lợi bất chính 3.733.000đ.

5/ Ngô Thị Đ từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2021 vay 02 lần với số tiền 11.000.000đ cụ thể: Vào tháng 01/2021 vay với số tiền 5.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 200.000đ, góp trong vòng 30 ngày, lãi suất là 0.67%/ngày đã trả đủ tiền gốc 5.000.000đ và tiền lãi là 1.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 83.000đ, tiền thu lợi bất chính là 917.000đ. Đến tháng 02/2021 vay với số tiền 6.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 240.000đ, góp trong vòng 30 ngày, vay với lãi suất là 0.67%, Đ đã góp được 06 ngày với số tiền là 1.440.000đ, trong đó tiền gốc là 1.200.000đ tiền gốc, lãi hợp pháp là 20.000đ, tiền thu lợi bất chính là 220.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 4.800.000đ.

Tổng số tiền D cho Đ vay là 11.000.000đ, tiền lãi đã thu là 1.240.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 103.000đ, tiền thu lợi bất chính 1.137.000đ.

6/ Huỳnh Thị Tuyết Nh từ tháng 2/2021 đến tháng 3/2021 vay 02 lần với số tiền 25.000.000đ cụ thể: Vào tháng 02/2021 vay với số tiền 10.000.000đ, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày đã trả đủ tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.867.000đ. Đến tháng 3/2021, D tiếp tục cho Nh vay với số tiền 15.000.000đ, góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ với lãi suất là 0.67%/ngày, đã góp được 24 ngày với số tiền là 14.400.000đ trong đó tiền gốc là 12.000.000đ, tiền lãi là 2.400.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 200.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.200.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 3.000.000đ.

Tổng số tiền D cho Nh vay là 25.000.000đ với số tiền lãi đã thu của hai lần là 4.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 333.000đ, tiền thu lợi bất chính là 4.067.000 đồng, tiền phí cho vay 1.000.000 đồng.

7/ Nguyễn Thị Hồng L vay 04 lần từ tháng 6/2020 đến tháng 9/2020, với số tiền là 40.000.000đ cụ thể: ba lần đầu vay với số tiền 10.000.000đ, lãi suất mỗi lần vay là 0.83%/ngày, góp mỗi ngày là 500.000đ, góp trong vòng 24 ngày, đã trả tiền gốc của 3 lần vay là 30.000.000đ và tiền lãi đã thu được 03 lần là 6.000.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 400.000đ, tiền thu lợi bất chính là 5.600.000đ. Lần thứ tư L tiếp tục vay với số tiền 10.000.000đ góp mỗi ngày là 500.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.83%/ngày, nhưng L chưa góp tiền gốc và lãi cho D được ngày nào, nên còn nợ lại số tiền gốc là 10.000.000đ. Trong 4 lần cho Lý vay tiền, D đã thu phí cho vay 1.600.000 đồng.

Tổng số tiền D cho Lý vay 40.000.000đ, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 400.000đ, tiền thu lợi bất chính 5.600.000đ.

8/ Thị Chúc L vay 02 lần từ ngày 08/3/2021 đến 21/3/2021 với số tiền là 25.000.000đ. Cụ thể: Vào ngày 08/3/2021 vay với số tiền là 10.000.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày, góp mỗi ngày 500.000đ, góp trong vòng 24 ngày đã trả tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.867.000đ. Đến ngày 21/3/2021 L tiếp tục vay của D với số tiền là 15.000.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày, góp mỗi ngày 750.000đ, góp trong vòng 24 ngày, đã góp được hai ngày với số tiền 1.500.000đ, tiền gốc là 1.250.000đ, tiền lãi là 250.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 17.000đ và thu lợi bất chính là 233.000đ, còn nợ tiền gốc 13.750.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D cho L vay hai lần là 25.000.000đ, tiền lãi đã là 2.250.000đ trong đó lãi hợp pháp là 150.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.100.000đ, tiền phí D thu của L 02 lần vay là 900.000 đồng.

9/ Lưu Thị Hồng L từ tháng 8/2020 đến tháng 02/2021 vay 06 lần với tổng số tiền là 35.000.000đ cụ thể: 05 lần đầu cho vay mỗi lần 5.000.000đ, lãi suất là 0.67%/ngày, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Tiền lãi thu của 05 lần là 5.000.000đ (trong đó tiền lãi hợp pháp là 416.000 đ, tiền thu lợi bất chính là 4.584.000đ). Lần thứ 6 L vay của D số tiền 10.000.000đ, lãi suất là 0.67%/ngày L không có tiền góp nên đã chuyển sang bắt L đóng lãi đúng, mỗi ngày là 100.000đ, tương đương lãi suất là 1%/ngày, L đã đóng lãi cho D được 24 ngày với số tiền là 2.400.000đ (trong đó lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.267.000đ). L còn nợ lại tiền gốc là 10.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D cho L vay sáu lần là 35.000.000đ, tiền lãi đã thu là 7.400.000đ, trong đó lãi hợp pháp là 549.000đ, tiền thu lợi bất chính là 6.851.000đ, tiền phí D thu của L 06 lần vay là 1.400.000đ.

10/ Nguyễn Thị L vay 12 lần từ ngày 27/8/2020 đến ngày 19/3/2021 với tổng số tiền vay là 60.000.000đ. Cụ thể: 11 lần đầu mỗi lần vay với số tiền là 5.000.000đ, vay tiền góp, góp mỗi ngày là 200.000đ, góp trong vòng 30 ngày, lãi suất mỗi lần vay đều là 0.67%/ngày. L đã trả đủ số tiền gốc 11 lần là 55.000.000đ và số tiền lãi đã thu của 11 lần vay là 11.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 916.000đ, thu lợi bất chính là 10.084.000đ. Lần thứ 12 Nguyễn Thị L tiếp tục vay với số tiền là 5.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 200.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, đã góp được 15 ngày với số tiền 3.000.000đ trong đó tiền gốc 2.500.000đ và tiền lãi 500.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 42.000đ, tiền thu lợi bất chính là 458.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 2.500.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D cho L vay 12 lần là 60.000.000đ, tiền lãi đã thu 06 lần là 11.500.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 958.000.000đ, tiền thu lợi bất chính là 10.042.000đ, tiền phí cho vay 1.300.000 đồng.

11/ Ngô Thị H vay 04 lần từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/3/2021, với tổng số tiền vay 40.000.000đ cụ thể: Ba lần đầu mỗi lần vay với số tiền là 10.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 500.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.83%/ngày, đã trả đủ gốc của ba lần là 30.000.000đ và tiền lãi của ba lần là 6.000.000đ trong đó lãi suất hợp pháp là 400.000đ, thu lợi bất chính là 5.600.000đ. Lần thứ tư H tiếp tục vay với số tiền là 10.000.000đ, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 10 ngày với số tiền gốc là 4.167.000đ và tiền lãi là 833.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 55.000đ, tiền thu lợi bất chính là 778.000đ, còn nợ tiền gốc là 5.833.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D cho H vay 04 lần là 40.000.000đ, tiền lãi đã thu của 04 lần vay là 6.833.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 455.000đ, tiền thu lợi bất chính là 6.378.000đ, tiền phí cho vay 1.600.000đ

12/ Nguyễn Thị Ph vay 02 lần vào ngày 03/01/2021 và ngày 17/3/2021, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng cụ thể: Lần thứ nhất vay với số tiền 10.000.000đ, vay tiền góp, góp mỗi ngày 500.000đ, góp trong thời gian là 24 ngày, với lãi suất là 0.83%/ngày đã trả đủ gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 2.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.867.000đ. Lần thứ hai tiếp tục vay 10.000.000đ, vay trả góp trong vòng 24

ngày, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 10 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.167.000đ, tiền lãi là 833.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp 55.000đ, tiền thu lợi bất chính 778.000đ, còn nợ 5.833.000đ. Như vậy, tổng số tiền D cho Ph vay là 20.000.000đ; tiền lãi đã thu 2.833.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 188.000đ, tiền thu lợi bất chính 2.645.000 đồng, tiền phí cho vay 800.000 đồng.

13/ Trần Thị D vay 02 lần vào ngày 01/3/2021 và ngày 17/3/2021, với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng cụ thể: lần đầu vay 10.000.000 đồng, góp trong 24 ngày, mỗi ngày 500.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày, đã trả đủ gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.000.000đ trong đó lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.867.000đ. Lần thứ hai vay 15.000.000đ, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 750.000đ, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 07 ngày với số tiền 5.250.000đ, tiền gốc là 4.375.000đ, tiền lãi là 875.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 58.000đ, tiền thu lợi bất chính là 817.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 10.625.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D cho D vay 25.000.000đ, tiền lãi đã thu 2.875.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 191.000đ, tiền thu lợi bất chính 2.684.000đ, tiền phí cho vay 900.000đ.

14/ Lê Ngọc Anh Kh vay 04 lần từ ngày 15/11/2020 đến ngày 31/12/2020, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, mỗi lần vay với số tiền 5.000.000đ, đều góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, mỗi ngày góp 250.000đ, đã trả đủ tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền lãi D cho Kh vay 20.000.000đ và tổng số tiền lãi đã thu của 4 lần là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 240.000đ, tiền lãi thu không hợp pháp là 3.760.000đ, tiền phí cho vay 800.000đ.

15/ Nguyễn Thị Th vay 02 lần vào tháng 01/2021 và ngày 11/3/2021, với tổng số tiền vay 20.000.000đ cụ thể: Lần thứ nhất Th vay với số tiền là 10.000.000đ, góp mỗi ngày là 400.000đ, trong vòng 30 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày đã trả đủ tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 2.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 166.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.834.000đ. Lần thứ hai vay với số tiền là 10.000.000đ, vay trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, đã góp được 14 ngày với số tiền là 5.600.000đ, trong đó tiền gốc là 4.670.000đ, tiền lãi là 930.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 77.000đ, tiền thu lợi bất chính là 853.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 5.324.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D cho Th vay 20.000.000đ, tiền lãi đã thu là 2.930.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 244.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.686.000đ.

16/ Trần Tuyết B vay 02 lần vào ngày 05/02/2021 và ngày 20/3/2021, với tổng số tiền vay 5.000.000đ cụ thể: Lần thứ nhất vay với số tiền 5.000.000đ, vay tiền góp, góp mỗi ngày 250.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.83%/ngày, đã trả đủ gốc 5.000.000đ và tiền lãi là 1.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 67.000đ, tiền thu lợi bất chính là 933.000.

Lần thứ hai B tiếp tục vay 5.000.000đ, vay tiền góp, góp mỗi 250.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 04 ngày, với số tiền 1.000.000đ trong đó tiền gốc 833.000đ, tiền lãi 167.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 11.000đ, tiền thu lợi bất chính là 156.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 4.166.000đ

Như vậy, tổng số tiền D cho B vay 10.000.000đ, tiền lãi D đã thu 1.167.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 77.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.090.000 đồng, tiền phí cho vay 400.000đ.

17/ Trần Thị K vay 03 lần từ ngày 28/11/2020 đến ngày 31/12/2020, với tổng số tiền vay 18.000.000 đồng cụ thể: 02 lần đầu vay mỗi lần là 6.000.000đ, vay tiền góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ, với lãi suất 0.83%/ngày, đã trả gốc hai lần vay 12.000.000đ và tiền lãi hai lần vay là 2.400.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 160.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.240.000đ. Lần thứ hai K tiếp tục vay 6.000.000đ, vay tiền góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 10 ngày, với số tiền gốc 2.500.000đ, tiền lãi 500.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 33.000đ, tiền thu lợi bất chính 467.000đ, còn nợ lại tiền gốc 3.500.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D cho K vay 18.000.000đ, tiền lãi D đã thu 2.900.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 193.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 2.707.000 đồng, tiền phí cho vay 450.000 đồng.

18/ Phạm Thị O vay 01 lần vào ngày 12/3/2021, với số tiền vay 5.000.000 đồng, vay tiền góp, mỗi ngày góp 250.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 15 ngày, với số tiền gốc 3.125.000đ, tiền lãi 622.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 42.000đ, tiền thu lợi bất chính 580.000đ, còn nợ tiền gốc 1.875.000đ, tiền phí cho vay 200.000 đồng.

19/ Trần Tuấn K vay 01 lần vào ngày 11/3/2021, với số tiền vay 5.000.000 đồng, góp mỗi ngày 250.000đ trong vòng 24 ngày, với lãi suất là

0.83%/ngày đã góp được 14 ngày với số tiền 3.500.000đ, trong đó tiền gốc 2.917.000đ, tiền lãi 583.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 39.000đ, tiền thu lợi bất chính là 544.000đ, còn nợ lại tiền gốc 2.083.000đ, tiền phí cho vay 200.000 đồng.

20/ Hồ Thị L vay 03 lần từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2021, với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng cụ thể: 02 lần đầu L vay của D mỗi lần 10.000.000đ, góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với lãi suất 0.67%/ngày, đã trả tiền gốc của hai lần vay 20.000.000đ và tiền lãi của hai lần vay là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 333.000đ, tiền thu lợi bất chính là 3.667.000đ. Lần thứ ba L cũng vay của D với số tiền 10.000.000đ, vay góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đ, với lãi suất 0.67%/ngày, đã góp được 07 ngày với số tiền 2.800.000đ trong đó tiền gốc 2.334.000đ, tiền lãi đã thu là 466.000đ, tiền lãi hợp pháp là 38.000đ, tiền thu lợi bất chính là 428.000, còn nợ lại tiền gốc là 7.667.000đ

Như vậy, tổng số tiền D cho L vay 30.000.000đ, tiền lãi đã thu là 4.466.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 371.000đ, tiền thu lợi bất chính 4.095.000đ

21/ Đinh Ngọc H vay 03 lần từ tháng 10/2020 đến tháng 3/2021, với tổng số tiền vay 21.500.000đ cụ thể: lần đầu H vay của D với số tiền 10.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 400.000đ, góp trong thời gian 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày, đã trả đủ gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.000.000đ trong đó lãi hợp pháp là 167.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.833.000đ. Lần thứ hai vay của H với số tiền 6.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 250.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất 0.83%/ngày, đã trả đủ gốc 6.000.000đ và tiền lãi 1.500.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 100.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.400.000đ. Lần thứ ba vay với số tiền là 5.500.000, vay tiền đứng, mỗi ngày đóng lãi là 100.000đ, tương ứng lãi suất là 1%/ngày, đã đóng lãi được 23 ngày, với số tiền 2.300.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 70.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.300.000đ, còn nợ lại gốc là 5.500.000đ

Như vậy tổng số tiền D cho H vay 21.500.000đ, tiền lãi D đã thu của H là 5.800.000đ, trong đó lãi hợp pháp là 337.000đ, tiền thu lợi bất chính là 5.463.000đồng.

22/ Lê Thu H vay 02 lần vào tháng 10/2020 và tháng 11/2020, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng cụ thể: mỗi lần H vay với số tiền là 10.000.000đ, vay góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000đ, với lãi suất 0.67%/ngày, đã

trả tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 4.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 334.000đ, tiền thu lợi bất chính là 3.666.000đ, đã trả đủ tiền gốc.

Như vậy tổng số tiền D cho H vay 20.000.000đ, tiền lãi D đã thu của H là 4.000.000đ, trong đó lãi hợp pháp là 334.000đ, tiền thu lợi bất chính là 3.666.000đồng.

23/ Nguyễn Thị Kim H vay 02 lần vào tháng 01/2021 và tháng 02/2021, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng cụ thể: mỗi lần vay với số tiền 10.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 400.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày, tổng số tiền lãi đã thu của hai lần vay là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 240.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 3.760.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc.

24/ Nguyễn Thị Kim Ch (Liên) vay 05 lần từ tháng 8/2020 đến tháng 3/2021, với tổng số tiền vay 65.000.000 đồng cụ thể: 03 lần đầu, mỗi lần vay với số tiền là 10.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 400.000đ, góp trong thời gian là 30 ngày, với lãi suất là 0.666%/ngày, đã trả đủ cả gốc 30.000.000 và lãi suất của ba lần vay là 6.000.000đ trong đó lãi suất hợp pháp là 500.000đ, tiền thu lợi bất chính là 5.500.000đ. Lần thứ tư Ch tiếp tục vay của D số tiền 15.000.000đ, vay trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ, với lãi suất 0.666%/ngày, đã trả đủ cả gốc 15.000.000đ và lãi suất 3.000.000đ trong đó lãi hợp pháp là 250.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.750.000đ. Lần thứ 5 Ch tiếp tục vay của D số tiền 20.000.000đ vay tiền góp mỗi ngày góp 600.000đ góp trong thời gian 40 ngày, Ch đã góp được 11 ngày với số tiền là 6.600.000 đồng trong đó tiền vốn là 5.500.000 đồng tiền lãi là 1.100.000 đồng trong đó tiền lãi hợp pháp là 122.000đ, tiền thu lợi bất chính là 978.000đ, còn nợ tiền gốc là 14.500.000đ

Như vậy, tổng số tiền D cho Ch vay 65.000.000đ, tiền lãi đã thu 10.100.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 872.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.228.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Đình Tiến D cho 24 người vay là 628.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 106.999.000 đồng; Trong đó: Tiền thu lãi hợp pháp là 7.997.000đ, tiền thu lợi bất chính là 99.002.000 đồng; Tiền phí cho vay Đình Tiến D đã thu của người vay là 12.450.000 đồng. Ngoài ra, tổng số tiền gốc Đình Tiến D cho vay nhưng những người vay tiền chưa trả lại là 118.456.000 đồng.

Đối với Đỗ Văn C đã cho 20 người vay có tên sau:

1/ Huỳnh Thị Thúy H vay 03 lần từ tháng 12/2020 đến tháng 02/2021, với tổng số tiền vay 35.000.000đ cụ thể: Hai lần đầu, mỗi lần vay với số tiền 10.000.000đ, vay tiền góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, lãi suất là 0.67%/ngày, đã trả gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 333.000đ, tiền lãi thu bất chính 3.667.000đ. Lần thứ ba vay với số tiền 15.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 600.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày đã trả đủ tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi là 3.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 250.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.750.000đ.

Như vậy tổng số tiền H vay là 35.000.000đ, thu tiền lãi là 7.000.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 583.000đ, tiền thu lợi bất chính là 6.417.000đ.

2/ Nguyễn Thị L vay 01 lần vào tháng 01/2021 với số tiền vay 10.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 400.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, với tiền lãi đã thu 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 150.000 đồng, tiền lãi thu bất chính 1.850.000 đồng

3/ Ngô Thị Đ từ tháng 1/2021 đến tháng 2/2021 vay 02 lần với số tiền 11.000.000đ cụ thể: Vào tháng 01/2021 vay với số tiền 5.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 200.000đ, lãi suất là 0.67%/ngày đã trả đủ tiền gốc 5.000.000đ và tiền lãi là 1.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 83.000đ, tiền lãi bất chính là 917.000đ). Đến tháng 02/2021 vay với số tiền 6.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 240.000đ, góp trong vòng 24 ngày, vay với lãi suất là 0.67%, Đ đã góp được 06 ngày với số tiền là 1.440.000đ, trong đó tiền gốc là 1.200.000đ tiền gốc, lãi hợp pháp là 20.000đ, tiền lãi bất chính là 220.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 4.800.000đ.

Tổng số tiền Đ vay là 11.000.000đ, tiền lãi đã thu là 1.240.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 103.000đ, tiền thu lợi bất chính 1.137.000đ.

4/ Huỳnh Thị Tuyết Nh từ tháng 2/2021 đến tháng 3/2021 vay 02 lần với số tiền 25.000.000đ cụ thể: Vào tháng 02/2021 vay với số tiền 10.000.000đ, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày đã trả đủ tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.000.000đ (trong đó tiền lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền lãi bất chính là 1.867.000đ). Đến tháng 3/2021, D tiếp tục cho Nh vay với số tiền 15.000.000 đồng, góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ với lãi suất là 0.666%/ngày, đã góp được 24 ngày với số tiền là 14.400.000đ (trong đó tiền gốc là 12.000.000đ, tiền lãi là 2.400.000đ, trong đó

tiền lãi hợp pháp là 200.000đ, tiền lãi bất chính là 2.200.000đ), còn nợ lại tiền gốc là 3.000.000đ.

Tổng số tiền Nh vay là 25.000.000đ với số tiền lãi đã thu của hai lần là 4.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 333.000đ, tiền lãi thu bất chính 4.067.000 đồng.

5/ Thị Chúc L vay 02 lần từ ngày 08/3/2021 đến 21/3/2021 với số tiền là 25.000.000đ. Cụ thể: Vào ngày 08/3/2021 vay với số tiền là 10.000.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày, góp mỗi ngày 500.000đ, góp trong vòng 24 ngày đã trả tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ (trong đó tiền lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền lãi bất chính là 1.867.000đ). Đến ngày 21/3/2021 L tiếp tục vay của D với số tiền là 15.000.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày, góp mỗi ngày 750.000đ, góp trong vòng 24 ngày, đã góp được hai ngày với số tiền 1.500.000đ, tiền gốc là 1.250.000đ, tiền lãi hợp pháp là 16.600đ và lãi bất chính là 233.400đ, còn nợ tiền gốc 13.750.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền L vay hai lần là 25.000.000đ, tiền lãi đã là 2.250.000đ trong đó lãi hợp pháp là 150.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.100.000đ, tiền phí D thu của L 02 lần vay là 900.000 đồng

6/ Lưu Thị Hồng L vay 02 lần vào tháng 12/2020 và tháng 02/2021, với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng: Cụ thể lần đầu vay với số tiền là 5.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 200.000đ góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày, đã trả đủ tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 83.000đ, tiền thu lợi bất chính là 917.000đ. Lần thứ hai vay với số tiền là 10.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 400.000đ góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày, L không có tiền góp nên đã chuyển sang bắt L đóng lãi đứng, mỗi ngày là 100.000đ, tương đương lãi suất là 1%/ngày, L đã đóng lãi được 24 ngày với số tiền là 2.400.000đ (trong đó lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.267.000đ).

Như vậy, tổng số tiền lãi C đã thu của L là 3.400.000đ, trong đó lãi hợp pháp là 216.000đ, tiền thu lợi bất chính là 3.184.000đ, L còn nợ lại tiền gốc là 10.000.000đ.

7/ Nguyễn Thị L vay 06 lần từ ngày 10/12/2020 đến ngày 19/3/2021, với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng cụ thể: 05 lần vay đầu mỗi lần vay 5.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 200.000đ, góp trong vòng 30 ngày với lãi suất là 0.67%/ngày. Đã trả đủ tiền gốc của 05 lần vay là 25.000.000đ, tiền lãi thu của 05 lần vay là 5.000.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 417.000đ, tiền thu lợi bất

chính là 4.583.000đ. Lần thứ 6 tiếp tục vay với số tiền là 5.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 200.000đ, trong vòng 30 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, đã góp được 15 ngày thu được 2.500.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi trong đó tiền lãi hợp pháp là 42.000đ, tiền thu lợi bất chính là 458.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 2.500.000đ.

Như vậy, tổng số tiền L vay 12 lần là 60.000.000đ, tiền lãi đã thu 06 lần là 11.500.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 958.000.000đ, tiền thu lợi bất chính là 10.042.000đ, tiền phí cho vay 1.300.000 đồng

8/ Ngô Thị H vay 04 lần từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/3/2021, với tổng số tiền vay 40.000.000 đồng cụ thể: 03 lần đầu mỗi lần vay với số tiền là 10.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 500.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.83%/ngày, đã trả đủ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 6.000.000đ trong đó lãi suất hợp pháp là 400.000đ, thu lợi bất chính là 5.600.000đ. Lần thứ tư H tiếp tục vay với số tiền là 10.000.000đ, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 10 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 55.000đ, tiền thu lợi bất chính là 778.000đ, còn nợ tiền gốc là 5.833.000đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi đã thu của 04 lần là 6.833.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 455.000 đồng, tiền lãi thu bất chính 6.378.000 đồng.

9/ Nguyễn Thị Ph vay 02 lần vào ngày 03/01/2021 và ngày 17/3/2021, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng cụ thể: Lần thứ nhất vay với số tiền 10.000.000đ, vay tiền góp, góp mỗi ngày 500.000đ, góp trong thời gian là 24 ngày, đã trả đủ gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 2.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.867.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày. Lần thứ hai tiếp tục vay 10.000.000đ, vay trả góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 10 ngày, với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.167.000đ, tiền lãi là 833.000đ tiền lãi hợp pháp là 55.000đ, tiền thu lợi bất chính là 778.000đ, còn nợ 5.833.000đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi đã thu 2.830.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 188.000 đồng, tiền lãi thu bất chính 2.645.000 đồng, tiền phí cho vay 800.000 đồng,

10/ Trần Thị D vay 02 lần vào ngày 01/3/2021 và ngày 17/3/2021, với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng cụ thể: lần đầu vay 10.000.000 triệu đồng, góp trong 24 ngày, mỗi ngày 500.000đ, với lãi suất là 0.83%/ngày, đã trả đủ gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.000.000đ trong đó lãi hợp pháp là 133.000đ, tiền thu

lợi bất chính là 1.867.000đ. Lần thứ hai vay 15.000.000đ, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 750.000đ, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 07 ngày với số tiền gốc 4.375.000đ, tiền lãi là 875.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 58.000đ, tiền thu lợi bất chính là 817.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 10.625.000đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi đã thu 2.875.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 191.000đ, tiền lãi thu bất chính 2.684.000đ, tiền phí cho vay 900.000 đồng

11/ Lê Ngọc Anh Kh vay 03 lần từ ngày 11/12/2020 đến ngày 31/12/2020, với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, mỗi lần vay với số tiền 5.000.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, mỗi ngày góp 250.000đ, đã trả đủ tiền gốc 03 lần vay là 15.000.000đ và lãi tổng số tiền lãi đã thu của 3 lần là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 180.000đ, tiền lãi thu không hợp pháp 2.820.000đ, tiền phí cho vay 800.000đ.

12/ Nguyễn Thị Th vay 02 lần vào tháng 01/2021 và ngày 11/3/2021, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng cụ thể: Lần thứ nhất Th vay với số tiền là 10.000.000đ, góp mỗi ngày là 400.000đ, trong vòng 30 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày đã trả đủ tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 2.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 166.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.834.000đ. Lần thứ hai vay với số tiền là 10.000.000đ, vay trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, đã góp được 14 ngày với số tiền gốc là 4.670.000đ, tiền lãi là 930.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 78.000đ, tiền thu lợi bất chính là 852.000đ còn nợ lại tiền gốc là 5.324.000đ

Như vậy, tổng số tiền lãi đã thu 2.930.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 244.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.686.000đ.

13/ Trần Tuyết B vay 02 lần vào ngày 05/02/2021 và ngày 20/3/2021, với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng cụ thể: Lần thứ nhất vay với số tiền 5.000.000đ, vay tiền góp, góp mỗi ngày 250.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, đã trả đủ gốc 5.000.000đ và tiền lãi là 1.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 67.000đ, tiền thu lợi bất chính là 933.000đ.

Lần thứ hai B tiếp tục vay 5.000.000đ, vay tiền góp, góp mỗi 250.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất 0.83%/ngày, đã góp được 04 ngày, với số tiền 1.000.000đ trong đó tiền gốc 833.000đ, tiền lãi 167.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 11.000đ, tiền thu lợi bất chính là 156.000đ, còn nợ lại tiền gốc là 4.166.000đ.

Như vậy, tổng số tiền B vay 10.000.000đ, tiền lãi D đã thu 1.167.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 77.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.090.000 đồng, tiền phí cho vay 400.000đ.

14/ Trần Thị K vay hai lần vào 15/12/2020 và ngày 20/3/2021 với số tiền 12.000.000đ cụ thể: lần đầu vay là 6.000.000đ, vay tiền góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ, với lãi suất 0.67%/ngày, đã trả gốc 6.000.000đ và tiền lãi là 1.200.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 80.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.120.000đ. Lần thứ hai K tiếp tục vay 6.000.000đ, vay tiền góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ, với lãi suất 0.67%/ngày, đã góp được 10 ngày, với số tiền gốc 2.500.000đ, tiền lãi 500.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 33.000đ, tiền thu lợi bất chính 467.000đ, còn nợ lại tiền gốc 3.500.000đ.

Như vậy, tổng tiền K vay 12.000.000đ, tiền lãi đã thu là 1.700.000đ trong đó lãi hợp pháp là 113.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.587.000đ.

15/ Phạm Thị O vay 01 lần vào ngày 12/3/2021, với số tiền vay 5.000.000 đồng, vay tiền góp mỗi ngày góp 250.000đ, góp trong vòng 24 ngày, với lãi suất 0.67%/tháng, đã góp được 15 ngày, với số tiền gốc 3.125.000đ, tiền lãi 625.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 41.000đ, tiền thu lợi bất chính 584.000đ, còn nợ tiền gốc 1.875.000đ, tiền phí cho vay 200.000 đồng.

16/ Trần Tuấn K vay 01 lần vào ngày 11/3/2021, với số tiền vay 5.000.000 đồng, góp mỗi ngày 250.000đ trong vòng 24 ngày, với lãi suất là 0.83%/ngày đã góp được 14 ngày với số tiền 3.500.000đ, trong đó tiền gốc 2.917.000đ, tiền lãi 583.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 39.000đ, tiền thu lợi bất chính là 544.000đ, còn nợ lại tiền gốc 2.083.000đ, tiền phí cho vay 200.000 đồng.

17/ Hồ Thị L vay 03 lần từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2021, với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng cụ thể: 02 lần đầu L vay của D mỗi lần 10.000.000đ, góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với lãi suất 0.67%/ngày, đã trả tiền gốc của hai lần vay 20.000.000đ và tiền lãi của hai lần vay là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp là 333.000đ, tiền thu lợi bất chính là 3.667.000đ. Lần thứ ba L cũng vay của D với số tiền 10.000.000đ, vay góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đ, với lãi suất 0.67%/ngày, đã góp được 07 ngày với số tiền 2.800.000đ trong đó tiền gốc 2.334.000đ, tiền lãi đã thu là 466.000đ, tiền lãi hợp pháp là 38.000đ, tiền thu lợi bất chính là 428.000, còn nợ lại tiền gốc là 7.667.000đ

Như vậy, tổng số tiền L vay 30.000.000đ, tiền lãi đã thu là 4.466.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 371.000đ, tiền thu lợi bất chính 4.095.000đ

18/ Đinh Ngọc H vay 02 lần từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021, với tổng số tiền vay 11.500.000đ cụ thể: lần đầu H vay của D với số tiền 6.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 250.000đ, góp trong thời gian 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày, đã trả đủ gốc 6.000.000đ và tiền lãi 1.500.000đ trong đó lãi hợp pháp là 100.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.300.000đ. Lần thứ hai vay với số tiền là 5.500.000đ vay tiền đứng, mỗi ngày đóng lãi là 100.000đ, tương ứng lãi suất là 1%/ngày, đã đóng lãi được 23 ngày, với số tiền 2.300.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 70.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.300.000đ, còn nợ lại gốc là 5.500.000đồng.

Như vậy tổng số tiền H vay 11.500.000đ, tiền lãi đã thu của H là 3.800.000đ, trong đó lãi hợp pháp là 170.000đ, tiền thu lợi bất chính là 3.630.000đ.

19/ Nguyễn Thị Kim H vay 02 lần vào tháng 01/2021 và tháng 02/2021, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng cụ thể: mỗi lần vay với số tiền 10.000.000đ, vay tiền góp, mỗi ngày góp 400.000đ, góp trong vòng 30 ngày, với lãi suất 0.67%/ngày, tổng số tiền lãi đã thu của hai lần vay là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 240.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 3.760.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc.

20/ Nguyễn Thị Kim Ch (Liên) vay 02 lần từ tháng 02/2021 đến tháng 3/2021, với tổng số tiền vay 35.000.000đ cụ thể: lần đầu vay với số tiền là 15.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 600.000đ, góp trong thời gian là 30 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, đã trả đủ cả gốc 15.000.000đ và lãi suất là 2.000.000đ trong đó tiền lãi hợp pháp là 250.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.750.000đ. Lần thứ hai vay với số tiền là 20.000.000đ, vay tiền góp mỗi ngày góp 600.000đ, góp trong thời gian là 40 ngày, với lãi suất là 0.67%/ngày, Chi đã góp được 11 ngày với số tiền là 6.600.000 đồng trong đó tiền vốn là 5.500.000 đồng tiền lãi là 1.100.000đồng trong đó tiền lãi hợp pháp là 122.000đ, tiền thu lợi bất chính là 978.000đ, còn nợ tiền gốc là 14.500.000đ.

Như vậy, tổng số tiền Ch vay 35.000.000đ, tiền lãi đã thu 3.100.000đ, trong đó tiền lãi hợp pháp 372.000đ, tiền thu lợi bất chính là 2.728.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền Đỗ Văn C cho 20 người vay là 399.500.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 63.699.000đ; Trong đó: Tiền thu lãi hợp pháp là 4.675.000đ,

tiền thu lợi bất chính là 59.024.000đ, tiền phí Đỗ Văn C đã thu của những người vay là 8.100.000đ.

Ngày 01/4/2021, Đinh Tiến D và Đỗ Văn C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PQ khởi tố cầm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

* Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu

- 01 giấy phép lái xe, đã qua sử dụng;
- 10 giấy chứng minh nhân dân;
- 03 sổ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- 01 giấy đăng ký xe mô tô;

Các tài liệu trên đã trao trả chủ sở hữu.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số máy 12A/R82LL/A, số seri F2MSROXWHGO3 màu hồng, đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, số máy MT522KH/A, số seri 66TXKH79KPH3 màu vàng, đã qua sử dụng.

Bản cáo trạng số: 123/CT–VKSPQ ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đã truy tố bị cáo Đinh Tiến D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố Đỗ Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc giữ nguyên quyết Đ truy tố đối với các Đinh Tiến D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố Đỗ Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Tiến D từ 200.000.000đồng đến 300.000.000đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Văn C từ 100.000.000đồng đến 150.000.000đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc Đình Tiến D giao nộp lại tổng số tiền gốc cho vay là 628.500.000đ và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên 7.999.000đ để nộp ngân sách Nhà nước, trừ đi số tiền 118.456.000đ là tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay chưa trả cho D còn lại số tiền D phải nộp là 518.083.000đồng.

- Buộc Đình Tiến D trả lại số tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 99.002.000đ và tiền phí cho vay cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 12.450.000đ. Cụ thể trả cho: Nguyễn Ngọc B 661.000đ; Huỳnh Thị Thúy H 10.830.000đ; Nguyễn Thị L 5.042.000đ; Phan Thị Trúc H 4.533.000đ; Ngô Thị Đ 1.137.000đ; Huỳnh Thị Tuyết Nh 5.067.000đ; Nguyễn Thị Hồng L 7.200.000đ; Thị Chúc L 3.000.000đ; Lưu Thị Hồng L 8.251.000đ; Nguyễn Thị L 11.342.000đ; Ngô Thị H 7.978.000đ; Nguyễn Thị Ph 3.445.000đ; Trần Thị D 3.584.000đ; Lê Ngọc Anh Kh 4.560.000đ; Nguyễn Thị Th 2.686.000đ; Trần Tuyết B 1.490.000đ; Trần Thị K 3.157.000đ; Phạm Thị O 785.000đ; Trần Tuấn K 744.000đ; Hồ Thị L 4.095.000đ; Đinh Ngọc H 5.463.000đ; Lê Thu H 3.666.000đ; Nguyễn Thị Kim H 3.760.000đ; Nguyễn Thị Kim Ch 9.228.000đ.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau đây phải giao nộp lại tổng số tiền 118.456.000đ đã vay của Đình Tiến D nhưng chưa trả tiền gốc để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể từng người như sau: Nguyễn Thị L 7.500.000đ; Ngô Thị Đ 4.800.000đ; Huỳnh Thị Tuyết Nh 3.000.000đ; Nguyễn Thị Hồng L 10.000.000đ; Thị Chúc L 13.750.000đ; Lưu Thị Hồng L 10.000.000đ; Nguyễn Thị L 2.500.000đ; Ngô Thị H 5.833.000đ; Nguyễn Thị Ph 5.833.000đ; Trần Thị D 10.625.000đ; Nguyễn Thị Th 5.324.000đ; Trần Tuyết B 4.166.000đ; Trần Thị K 3.500.000đ; Phạm Thị O 1.875.000đ; Trần Tuấn K 2.083.000đ; Hồ Thị L 7.667.000đ; Đinh Ngọc H 5.500.000đ; Nguyễn Thị Kim Ch 14.500.000đồng;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số máy 12A/R82LL/A, số seri F2MSROXWHGO3 màu hồng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, số máy MT522KH/A, số seri 66TXKH79KPH3 màu vàng, đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đình Tiến D và Đỗ Văn C đều đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ đã truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo D và Đông là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố PQ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc truy tố các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố việc tính toán số tiền thu lợi bất chính, tiền nợ gốc chưa thu được có chỗ chưa phù hợp về số liệu tính toán. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và lời khai của những người vay, có căn cứ xác Đ lại tổng số tiền nợ gốc chưa thu hồi được là 118.456.000đ; tiền thu lợi bất chính của bị cáo D là 111.452.000đ; tiền thu lợi bất chính của bị cáo C là 67.120.000đ.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện:

Từ khoảng tháng 6/2020 đến tháng 03/2021 Đinh Tiến D đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính với sự giúp sức của Đỗ Văn C từ tháng 12/2020, số tiền của D đã cho vay được xác Đ là 628.500.000đ, thu bất chính được tổng tiền lãi là 111.452.000đ. Đỗ Văn C trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với số tiền là 399.500.000đ và tiền lãi thu lợi bất chính là 67.120.000đ.

Hành vi của Đinh Tiến D và Đỗ Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đinh Tiến D và Đỗ Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo D là 111.452.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết Đ khung quy Đ tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đỗ Văn C thu lợi bất chính với số tiền thu lợi bất chính là 67.120.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo: Các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức và hành vi. Mặc dù bản thân các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất chính, tư lợi cá nhân mà các bị cáo xem thường pháp luật, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của các bị cáo. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:

- Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo C có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy Đ tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ, hình phạt áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà các bị cáo được hưởng.

[6] Biện pháp tư pháp:

[6.1] Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các công cụ, pH tiện dùng vào việc phạm tội:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số máy 12A/R82LL/A, số seri F2MSROXWHGO3 màu hồng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, số máy MT522KH/A, số seri 66TXKH79KPH3 màu vàng, đã qua sử dụng.

[6.2] Buộc Đình Tiến D giao nộp lại tổng số tiền gốc cho vay là 628.500.000đ và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên 7.999.000đ để nộp ngân sách Nhà nước, trừ đi số tiền 118.456.000đ là tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay chưa trả cho D còn lại số tiền D phải nộp là 518.083.000đ.

- Buộc bị cáo D phải trả lại khoản tiền lãi thu lợi bất chính của người vay tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm trả lại cho người vay tiền sau khi khấu trừ số tiền lãi này vào số nợ gốc còn nợ, cụ thể:

Nguyễn Ngọc B 661.000đ; Huỳnh Thị Thúy H 10.830.000đ; Nguyễn Thị L 5.042.000đ; Phan Thị Trúc H 4.533.000đ; Ngô Thị Đ 1.137.000đ; Huỳnh Thị Tuyết Nh 5.067.000đ; Nguyễn Thị Hồng L 7.200.000đ; Thị Chúc L 3.000.000đ; Lưu Thị Hồng L 8.251.000đ; Nguyễn Thị L 11.342.000đ; Ngô Thị H 7.978.000đ; Nguyễn Thị Ph 3.445.000đ; Trần Thị D 3.584.000đ; Lê Ngọc

Anh Kh 4.560.000đ; Nguyễn Thị Th 2.686.000đ; Trần Tuyết B 1.490.000đ; Trần Thị K 3.157.000đ; Phạm Thị O 785.000đ; Trần Tuấn K 744.000đ; Hồ Thị L 4.095.000đ; Đinh Ngọc H 5.463.000đ; Lê Thu H 3.666.000đ; Nguyễn Thị Kim H 3.760.000đ; Nguyễn Thị Kim Ch 9.228.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D phải trả tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 99.002.000đ và tiền phí cho vay cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 12.450.000đ. Tổng cộng là 111.452.000đ .

[6.3] Buộc những người vay nộp số tiền còn nợ lại sung vào Ngân sách Nhà nước đây là tiền vay của các bị cáo nhưng chưa trả xong và cũng là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cụ thể:

Nguyễn Thị L 7.500.000đ; Ngô Thị Đ 4.800.000đ; Huỳnh Thị Tuyết Nh 3.000.000đ; Nguyễn Thị Hồng L 10.000.000đ; Thị Chúc L 13.750.000đ; Lưu Thị Hồng L 10.000.000đ; Nguyễn Thị L 2.500.000đ; Ngô Thị H 5.833.000đ; Nguyễn Thị Ph 5.833.000đ; Trần Thị D 10.625.000đ; Nguyễn Thị Th 5.324.000đ; Trần Tuyết B 4.166.000đ; Trần Thị K 3.500.000đ; Phạm Thị O 1.875.000đ; Trần Tuấn K 2.083.000đ; Hồ Thị L 7.667.000đ; Đinh Ngọc H 5.500.000đ; Nguyễn Thị Kim Ch 14.500.000đ.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Tiến D** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt: Đinh Tiến D 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Văn C** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Văn C** 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[3.1] Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số máy 12A/R82LL/A, số sêri F2MSROXWHGO3 màu hồng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, số máy MT522KH/A, số sêri 66TXKH79KPH3 màu vàng, đã qua sử dụng.

(Tang vật trên đã được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ theo quyết Đ chuyển giao vật chứng số 71/QĐ-VKS ngày 30 tháng 8 năm 2021).

[3.2] Buộc Đinh Tiến D giao nộp lại tổng số tiền gốc cho vay là 628.500.000đ và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên 7.999.000đ để nộp ngân sách Nhà nước, trừ đi số tiền 118.456.000đ là tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay chưa trả cho D còn lại số tiền D phải nộp là 518.083.000đồng.

Buộc bị cáo D phải trả lại khoản tiền lãi thu lợi bất chính của người vay tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm trả lại cho người vay cụ thể:

Nguyễn Ngọc B 661.000đ; Huỳnh Thị Thúy H 10.830.000đ; Nguyễn Thị L 5.042.000đ; Phan Thị Trúc H 4.533.000đ; Ngô Thị Đ 1.137.000đ; Huỳnh Thị Tuyết Nh 5.067.000đ; Nguyễn Thị Hồng L 7.200.000đ; Thị Chúc L 3.000.000đ; Lưu Thị Hồng L 8.251.000đ; Nguyễn Thị L 11.342.000đ; Ngô Thị H 7.978.000đ; Nguyễn Thị Ph 3.445.000đ; Trần Thị D 3.584.000đ; Lê Ngọc Anh Kh 4.560.000đ; Nguyễn Thị Th 2.686.000đ; Trần Tuyết B 1.490.000đ; Trần Thị K 3.157.000đ; Phạm Thị O 785.000đ; Trần Tuấn K 744.000đ; Hồ Thị L 4.095.000đ; Đinh Ngọc H 5.463.000đ; Lê Thu H 3.666.000đ; Nguyễn Thị Kim H 3.760.000đ; Nguyễn Thị Kim Ch 9.228.000đ.

Như vậy, tổng số tiền D phải trả tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 99.002.000đ và tiền phí cho vay cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 12.450.000đ. Tổng cộng là 111.452.000đồng.

[3.3] Buộc những người vay nộp số tiền còn nợ lại sung vào Ngân sách Nhà nước đây là tiền vay của các bị cáo nhưng chưa trả xong và cũng là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cụ thể:

Nguyễn Thị L 7.500.000đ; Ngô Thị Đ 4.800.000đ; Huỳnh Thị Tuyết Nh 3.000.000đ; Nguyễn Thị Hồng L 10.000.000đ; Thị Chúc L 13.750.000đ; Lưu Thị Hồng L 10.000.000đ; Nguyễn Thị L 2.500.000đ; Ngô Thị H 5.833.000đ; Nguyễn Thị Ph 5.833.000đ; Trần Thị D 10.625.000đ; Nguyễn Thị Th 5.324.000đ; Trần Tuyết B 4.166.000đ; Trần Thị K 3.500.000đ; Phạm Thị O

1.875.000đ; Trần Tuấn K 2.083.000đ; Hồ Thị L 7.667.000đ; Đinh Ngọc H 5.500.000đ; Nguyễn Thị Kim C 14.500.000đồng.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy Đ pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKS thành phố Phú Quốc;
- THA Dân sự;
- TAND tỉnh KG;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại;
- Sở Tư pháp KG;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thanh Điền